

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2024/DS-ST

Ngày: 19 - 9 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giang Thành

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1980. HKTT: 146 Nguyễn Thị N, phường A, Quận A, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Hà Ngọc B, sinh năm 1998. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. (theo giấy ủy quyền ngày 02/4/2024) (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T1: Luật sư Trương Thị P – Công ty L thuộc Đoàn luật sư thành phố H. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Trà Hoàng D, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2024 và trong quá trình tố tụng, đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Hà Ngọc B trình bày:

Ông Trà Hoàng D và chị T có quen biết với nhau thông qua sự giới thiệu của một người bạn. Do công việc làm ăn gặp khó khăn nên ông D có đề nghị chị T cho mượn tiền. Do tin tưởng nên chị T đã chuyển khoản cho ông D mượn tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 04/5/2020 là 10.084.500 đồng, ngày 10/5/2020 là 30.000.000 đồng, ngày 17/5/2020 là 24.920.000 đồng và 50.000.000 đồng, ngày 29/5/2020 là 35.080.000 đồng, ngày 20/6/2020 là 18.000.000 đồng, ngày 01/7/2020 là 30.075.000 đồng, ngày 15/7/2020 là 23.500.000 đồng, ngày 17/8/2020 là 12.700.000 đồng, ngày 24/9/2020 là 5.000.000 đồng, ngày 08/10/2020 là 49.600.000 đồng, ngày 16/10/2020 là 200.000.000 đồng, ngày 19/11/2020 là 30.100.000 đồng, ngày 08/4/2021 là 16.019.000 đồng, những lần chuyển tiền này đều có biên lai chứng từ chuyển tiền, tổng số tiền chuyển khoản là 564.258.500 đồng, ngoài ra cũng trong thời gian này ông D còn viết giấy vay tiền và giấy mượn tiền với tổng số tiền là 800.000.000 đồng, do tin tưởng nên chị T không yêu cầu ông D ghi ngày tháng vay và mượn tiền cụ thể là tại giấy mượn tiền số tiền là 400.000.000 đồng và ông D có ký xác nhận với nội dung là “đến ngày 01/5/2024 tôi hoàn trả đủ”, tại giấy vay tiền số tiền là 400.000.000 đồng và có ông D ký xác nhận với nội dung ghi “tôi hứa sẽ đóng lãi hàng tháng như đã thỏa thuận”

Đến nay, ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, mặc dù chị T đã nhiều lần yêu cầu, nhắn tin, gọi điện trao đổi với ông D nhưng ông D cố tình trốn tránh, không thiện chí thực hiện nghĩa vụ. Việc thông báo đòi nợ đã mời thừa phát lại thuộc Văn phòng T2 lập vi bằng ghi nhận sự kiện nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn là anh Hà Ngọc B yêu cầu như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trà Hoàng D phải trả cho chị số tiền vay gốc còn nợ là 1.000.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất, chị T xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 364.258.500 đồng.

Theo bản tự khai ngày 12/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Trà Hoàng D trình bày:

Ông D và chị Nguyễn Thị Kim T có quen biết nhau đã 6-7 năm nay, do ông D làm ăn gặp nhiều khó khăn nên ông D có mượn tiền của chị T nhiều lần cụ thể là chuyển khoản là khoảng 1.000.000.000 đồng, đến khoảng tháng 12/2023 thì chị T có kêu ông D làm biên nhận vay tiền, ông D cũng để chị T tin tưởng nên có viết giấy biên nhận nợ cho chị T cụ thể là anh có làm giấy mượn tiền 400.000.000 đồng không để ngày tháng năm hứa ngày 01/5/2024 trả đủ tiền, giấy mượn tiền vay số tiền là 400.000.000 đồng không để ngày tháng năm và ông D có ký tên hứa sẽ đóng lãi hàng tháng như đã thỏa thuận, tổng cộng ông D

vay của chị T số tiền là 800.000.000 đồng và có chuyển khoản nhiều lần thêm với số tiền là 200.000.000 đồng, tổng cộng số tiền ông D còn nợ là 1.000.000.000 đồng, ông D xác nhận ông D có hộ khẩu thường trú tại khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Ông D xác nhận chỉ nhận chuyển khoản của chị T là 1.000.000.000 đồng theo hai giấy mượn tiền, ngoài ra ông D không nhận tiền mặt của chị T.

Nay ông D thừa nhận còn nợ chị T số tiền 1.000.000.000 đồng và xin trả cho chị T trong thời gian cụ thể là từ ngày 08/8/2024 đến ngày 08/12/2024 trả 500.000.000 đồng và từ ngày 08/12/2024 đến ngày 08/4/2025 trả 500.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Qua lời trình bày của ông D trong quá trình giải quyết vụ án thì ông D đã thừa nhận còn nợ chị T số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng nhưng ông D xin trả dần số tiền này, thấy rằng số tiền vay của chị T, ông D cũng đã vay một thời gian lâu nhưng chưa trả cho chị T được lần nào tiền gốc, ông D chỉ hứa hẹn nhiều lần nhưng cũng không trả, nay ông D xin trả dần nữa thì rất là thiệt thòi cho chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và buộc ông D trả số tiền vay trên cho chị T ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại Khu phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trà Hoàng D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

[1.3] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền 364.258.500 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu ông Trà Hoàng D phải trả số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của chị T là có cơ sở chấp nhận bởi vì:

Trong quá trình giải quyết vụ án thì ông D cũng thừa nhận có vay của chị T nhiều lần và hiện còn nợ chị T với số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền nêu trên cho chị T, nên căn cứ theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì các bên đương sự không phải chứng minh về số tiền gốc nêu trên nhưng xin trả dần số tiền nêu trên nhưng không được chị T đồng ý và chị T yêu cầu ông D trả số nợ trên một lần.

Do đó có căn cứ buộc vợ chồng ông Trà Hoàng D phải thanh toán số tiền gốc 1.000.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của chị T không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận như đã phân tích và nhận định trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 147, 227, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T yêu cầu giải quyết đối với số tiền là 364.258.500 đồng (Ba trăm sáu mươi bốn triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim T.

Buộc bị đơn Trà Hoàng D phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền vay gốc là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng), lãi suất không yêu cầu.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các

khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trà Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 42.000.000 đồng (Bốn mươi hai triệu đồng).

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 26.460.000 đồng (Hai mươi sáu triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001058 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

“Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trà Hoàng D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Quyên

